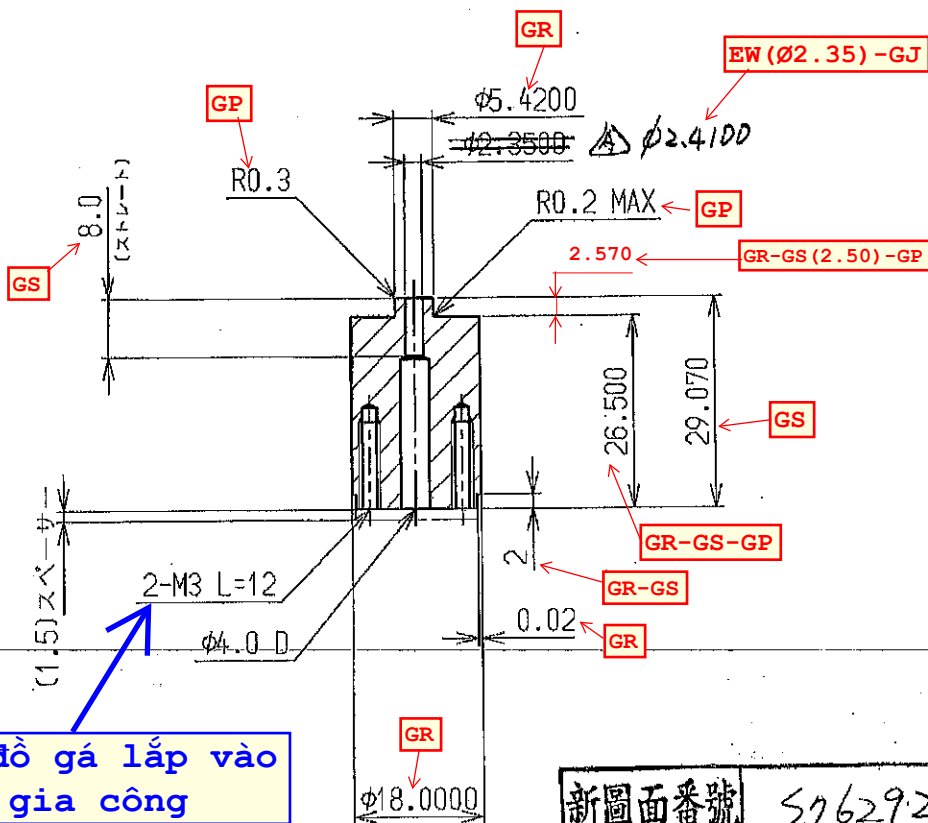
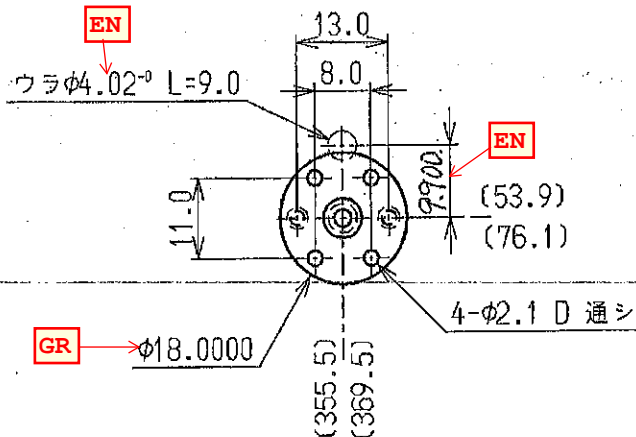


訂正 Rev	日付	図	事	担当	加工公差表示			
A	2008/04/18	12/19	12/19	12/19	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0.005
					0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
					0.00	±0.01	0.00 +0	+0.01
					0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
					0.	±0.2	0.0 +0	+0.1
							0.0 -0	+0.1
公差表示されている場合は、それを優先する								



GR chế đồ gá lắp vào 2-M3 để gia công

新圖面番號 S762923

部品名	材質	数量	設備名称			
穴抜きダイ	WC(D30/HIP)	2	小ケース板			
熱処理	表面処理	検図	設計	製図	日付	共通部品番号
焼入 HRC -	-	高橋	青柳	青柳	2001/06/11	
尺 度	第三 図面 角法 番号	PS10-030M-00-1-129-AA-AB				訂正 Rev
1/1						A

BTP S762923 (76238)

マブチモーター株式会社

SNO: **S762923**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S762923	GR:90 GS:30 EW:30 GJ:40 EN:100 GP:75 KT